

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT

Ngày 20 tháng 5 năm 2020

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Giáp;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Chinh;
Bà Nguyễn Tuyết Mai.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chu Quang Duy, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Huy Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2020/TLPT-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 22/2020/QĐPT-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Vũ Văn T, sinh năm 1984 (có mặt);

- *Bị đơn:* Chị Tạ Thị C, sinh năm 1986 (có mặt);

Đều cư trú tại: Thôn N, xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau:

Nguyên đơn anh Vũ Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Tạ Thị C vào ngày 24 tháng 9 năm 2009, việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh trên cơ sở tự nguyện. Trước khi kết hôn anh chị có được tự do tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình anh ở thôn N. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận. Khoảng vài tháng sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên tranh cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng vợ chồng vẫn

mâu thuẫn. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Vũ Hương G, sinh năm 2010. Ly hôn anh nhất trí để chị C nuôi dưỡng cháu Giang; vấn đề cấp dưỡng, anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Không có, anh không yêu cầu.

Bị đơn chị Tạ Thị C xác nhận phần kết hôn và con chung như anh T khai và trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2010 thì anh T sang Nhật Bản lao động, còn chị ở nhà chung sống cùng bố mẹ chồng. Sau khi anh sang Nhật thì chị thấy tình cảm vợ chồng không được như mọi người, nên chị bức tức và đã có vài lần chị nói với anh T là ly hôn, nhưng sau đó chị đã xin lỗi anh T và anh T đã bỏ qua. Đến tháng 10/2016, anh T lo cho chị sang Nhật lao động. Khi mới sang gặp anh lần đầu thì vợ chồng rất tình cảm, nhưng sau đó chị thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nguyên nhân là do anh T có bạn gái, chị đã nhìn thấy anh T chụp ảnh tình cảm với bạn gái trên mạng xã hội. Do bức tức, chị đã viết giấy để lại cho anh T là vợ chồng tạm thời không liên lạc một thời gian. Từ đó, anh T không liên lạc với chị nữa, mặc dù chị đã xin lỗi anh nhiều lần nhưng anh vẫn không liên lạc với chị. Tháng 7/2019 anh T về Việt Nam và tháng 8/2019 chị cũng về Việt Nam. Khi về Việt Nam chị vẫn chung sống với bố mẹ anh T, còn anh T ở nhà anh trai anh T, không về chung sống cùng chị. Nay, chị xác định chị vẫn còn yêu thương anh T và vì thương con nên chị không đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như anh T khai, hiện tại cháu vẫn đang ở với chị tại nhà bố mẹ anh T. Nếu ly hôn, chị xin được nuôi cháu, chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công sức: Chị không yêu cầu giải quyết.

Với nội dung trên, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/ 2016/ UBTWQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Tạ Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hương G, sinh ngày 04/7/2010 cho chị Tạ Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, chị Tạ Thị C kháng cáo không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là anh Vũ Văn T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn là chị Tạ Thị C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Việc anh T yêu cầu ly hôn chị là do anh T quan hệ bất chính với người phụ

nữ khác; bản thân chị vẫn còn yêu thương anh T, mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định là cũng khó; chị không có biện pháp nào để vợ chồng về đoàn tụ mà đề nghị Tòa án can thiệp giúp, xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh T để vợ chồng về đoàn tụ. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật; các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử bác đơn kháng cáo của chị Tạ Thị C. Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Kháng cáo của chị Tạ Thị C trong thời hạn luật định, nên được Tòa án xem xét.

[2] Về nội dung kháng cáo: Chị Tạ Thị C kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh, xử cho anh Vũ Văn T được ly hôn chị, chị đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xử bác đơn của anh T yêu cầu ly hôn chị.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Anh Vũ Văn T kết hôn với chị Tạ Thị C vào ngày 24/9/2009 trên cơ sở tự nguyện và tuân theo các nguyên tắc của Luật hôn nhân và gia đình. Việc đăng ký được thực hiện tại UBND xã Đ, huyện Q, tỉnh Bắc Ninh. Như vậy, đây là hôn nhân hợp pháp. Ngay sau ngày cưới, vợ chồng sống chung với gia đình anh T. Thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, sau đó khoảng vài tháng đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Khi vợ chồng cùng sang Nhật lao động, nhưng mỗi người ở một nơi cách xa nhau. Do bất đồng, nên chị C đã bảo với anh T là vợ chồng tạm thời không liên lạc một một gian, từ đó anh T không liên lạc với chị nữa. Đến khi hai vợ chồng cùng về Việt Nam, anh T cũng không chung sống cùng với chị C. Mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài từ năm 2011 đến nay, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều nhưng vợ chồng vẫn mâu thuẫn, đã nhiều lần chị nói với anh là vợ chồng ly hôn. Nay, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị C. Phía chị C cũng xác định là anh T không còn yêu thương chị nữa, nhưng chị vẫn còn yêu thương anh T, nên chị không đồng ý ly hôn anh T. Mặt khác, chị cho rằng việc anh T xin ly hôn chị chỉ vì anh T có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh T để vợ chồng về đoàn tụ. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, chị cũng xác định vợ chồng rất khó có khả năng đoàn tụ và chị không có biện pháp nào để vợ chồng

về đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy, việc chị C cho rằng anh T có quan hệ bất chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là không có căn cứ. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do bất đồng quan điểm sống, chung sống không hòa hợp, mâu thuẫn đã kéo dài nhiều năm, tình cảm vợ chồng ngày một xa cách; chị C yêu cầu đoàn tụ vợ chồng nhưng lại không có biện pháp nào để vợ chồng đoàn tụ; hơn nữa, bản thân chị cũng xác định vợ chồng khó có khả năng đoàn tụ. Cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đã xử cho anh T được ly hôn chị C là có căn cứ, phù hợp với pháp luật và thực tế. Chị C kháng cáo không nhất trí với quyết định của Bản án sơ thẩm xử cho anh T được ly hôn chị, yêu cầu Tòa án xử bác đơn yêu cầu ly hôn của anh T để vợ chồng đoàn tụ là không có cơ sở để chấp nhận.

[3] Về con chung và tài sản chung giữa anh T và chị C: Các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí:

[4.1] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn chị Tạ Thị C, nên anh T phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật;

[4.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của chị Tạ Thị C không được chấp nhận, nên chị C phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng dân sự, quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Tạ Thị C, giữ nguyên quyết định Bản án sơ thẩm số: 04/2020/HNGĐ-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 148, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Vũ Văn T được ly hôn chị Tạ Thị C.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Hương G, sinh ngày 04/7/2010 cho chị Tạ Thị C chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí:

4.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Vũ Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm

anh T đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0000818 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh;

4.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Tạ Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm chị C đã nộp tại biên lai thu số: AA/2018/0000957 ngày 11/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã Đ, huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vũ Văn Giáp